TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST
Ngày 28 tháng 6 năm 2021
"Tranh chấp quyền sử dụng đất và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thuý Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phùng Đình Chúc

Bà Đỗ Thị Kim Thúy

- Thư ký phiên toà: Ông Đường Thái Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 10/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Khắc N, sinh năm 1955; Lê Thị H, sinh năm 1960; Đều ở địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: LS1, LS2 thuộc Văn phòng Luật sư N, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: đường L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội (có mặt).

Bị đơn có yêu cầu phản tố: Ông Nguyễn Quang S, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông LS3 - Luật sư Công ty V - Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ UBND huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế H1 - chức vụ: Chủ tịch UBND huyện L;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Mạnh T - chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Lập Thạch (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị Hoa K, sinh năm 1985; nơi cư trú: Cộng hòa Séc (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1983 (vắng mặt); nơi công tác: Ngân hàng N

+ Chị Nguyễn Thị Minh D, sinh năm 1991 (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Đều ở địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện L,tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, chị K, chị P, chị D, anh Đ: Ông Nguyễn Khắc N, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1964 (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1987 (vắng mặt).

+ Chị Lê Thị H2, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1, anh G, chị H2 là Ông Nguyễn Quang S; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2017 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Nguyễn Khắc N đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của Lê Thị H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Hoa K, chị Nguyễn Thị Thu P, chị Nguyễn Thị Minh D, anh Nguyễn Hải Đ trình bày: Năm 1988 gia đình ông có mua đất của gia đình ông T2 bà H3 với giá 750.000đ đến năm 1990 ông làm nhà trên đất. Năm 1993 ông viết đơn lên UBND xã Bắc Bình để làm thủ tục hợp lý hóa đất ở và đã được địa chính xuống đo đất để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì đặc điểm thổ nhưỡng khu đất

nhà ông trước kia là một núi đá, do vậy ông đề nghị cán bộ địa chính chỉ đo chỗ đất canh tác được, mặt khác do nhận thức lúc đó là thuế khóa rất cao nên ông chỉ đề nghị đo chiều mặt đường là 18m, còn các cạnh khác như trong bản đồ đã hiển thị.

Ngày 18/5/1999 gia đình ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0756873 trong đó diện tích đất ở là 145m^2, đất vườn là 200m^2, tổng diện tích là 345 m^2 do UBND huyện L cấp mang tên Lê Thị H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ghi chiều cạnh.

Ngày 13/3/2014 gia đình ông được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do thay đổi theo mẫu Giấy chứng nhận mới số BP510409 đối với thửa đất số 143.2, diện tích 345m^2 do UBND mang tên hộ Lê Thị H tại Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong đó ghi chiều cạnh mặt đường của gia đình ông là 18m.

Nay ông xác định đất cạnh mặt đường của gia đình ông là 16,66m, gia đình ông bị gia đình ông S lấn chiếm chiều rộng là l,34m; chiều dài từ mép đường quốc lộ kéo về phía sau khoảng 32m với tổng diện tích khoảng 45m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S được ghi chiều mặt đường là 12m, trong thực tế đơn vị đo đạc của tỉnh chỉ đo được 9,98m; Hiện trạng chiều dài từ mép đường tiến về sau đất nhà cao hơn đất nhà ông S, ông S xây trước đã xây lấn lên phần đất cao nhà ông. Hiện tại mép móng công trình phụ nhà ông S kéo dài ra đã đâm thẳng vào bờ tường cũ nhà ông là 20cm.

Trước đây mốc giới giữa nhà ông và nhà ông T2 bà H3 đã được xác định bởi 3 điểm là cây đỏ ngọn, gốc mít, cây Bo nằm sát bờ hố phân lợn, ông S đã phá đi và xây chồng lấn lên; Hiện tại bờ tường chuồng lợn từ năm 1990 của gia đình ông vẫn còn. Nhà lán tôn của ông S xây chồng lên nền đất nhà cũ của nhà ông.

Vì vậy ông đề nghị Tòa án buộc ông S phải tháo dỡ tài sản, trả cho ông diện tích đất lấn chiếm là 45m^2 đồng thời hủy quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 049544 diện tích 300m^2 tại Thôn H, xã B, huyện L do UBND huyện L cấp ngày 14/6/2012 mang tên hộ Ông Nguyễn Quang S tại Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn có yêu cầu phản tố Ông Nguyễn Quang S đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T1, anh Nguyễn Hoàng G, chị Lê Thị H2 trình bày:

Ngày 15/12/1995 ông có mua một mảnh đất thổ cư của bà Nguyễn Thị Hoa và ông Bùi Văn Thảo ở Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Thửa đất gia đình ông mua một phần giáp với thửa đất của ông T2 bà H3, một phần giáp với gia đình ông bà Nhường Hồng.

Ngày 15/9/1997 ông cùng gia đình ông T2, ông N dưới sự chứng kiến của ông Nguyễn X là hàng xóm đã lập văn bản xác định mốc giới đối với ba thửa đất của ba hộ; Biên bản có chữ ký xác nhận của các hộ, người làm chứng và xác nhận của đại diện UBND xã Bắc Bình.

Năm 2000, ông xây dựng một quán sửa xe máy và một nhà kho giáp phần đất của gia đình ông N. Quán và nhà kho được lợp bằng tấm bờ lô xi măng, giọt ranh chảy tiếp giáp với giọt ranh nhà ở cấp IV, nhà bếp và chuồng lợn của gia đình ông N. Quán sửa xe bên trong có một buồng ngăn có cửa sổ mở ra phía nhà ông N.

Ngày 14/6/2012 ông được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00063, diện tích 300m^2 tại Thôn H, xã B, huyện L. Theo số đo được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông, phía tiếp giáp đường quốc lộ 2 là 12m; chiều dài phần tiếp giáp nhà ông N là 25m; chiều tiếp giáp nhà ông T2 là 12m; chiều bên trong là 12m. Số đo tạm thỏa thuận tại điểm giáp tường rào của gia đình bà HX (nay là gia đình anh chị HX1) đến cách bờ tường chuồng lợn của gia đình ông N là 16,4m; quá trình UBND xã giải quyết tranh chấp đo đạc thực tế chiều mặt đường của gia đình ông N là 16,66m. Các lần hòa giải tại địa phương cũng đã khẳng định việc ông N cho rằng gia đình ông lấn chiếm đất là không có căn cứ (trong các biên bản hòa giải có xác nhận của chính quyền địa phương và người làm chứng là ông T2). Nay ông N khởi kiện ông đã lần chiếm của gia đình ông N 45m^2 ông không nhất trí.

Ông xác định ông N lấn đất của gia đình ông nên phần diện tích mặt đường của gia đình ông bị thiếu (theo bản đồ 299 diện tích chiều mặt đường của ông là 12m nay chỉ còn 9,98m) vì vậy ông yêu cầu ông N phải trả đủ cho ông diện tích chiều mặt đường. Đồng thời đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP510409 đối với thửa đất số 143.2, diện tích 345m^2 do UBND mang tên hộ Lê Thị H tại Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện L, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy

ban nhân dân huyện trình bày:

Hộ Lê Thị H được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ 00359 QSDĐ/162(H) 1998, (số phát hành 0756873) do UBND huyện L cấp ngày 18/5/1999. Trên giấy chứng nhận QSDĐ có thể hiện thửa đất tranh chấp là thửa đất số 143 (2), tờ bản đồ số 15, diện tích 345m^2 (trong đó 200m^2 đất thổ cư; 145m^2 đất vườn). Trên giấy chứng nhận QSDĐ không thể hiện sơ đồ thửa đất.

Sau đó hộ Lê Thị H được UBND huyện L cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ (lý do theo mẫu giấy chứng nhận mới) được thực hiện theo đúng trình, tự thủ tục quy định tại Điều 144 Nghị định số 181/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai. Vì vậy hộ bà H được cấp đổi Giấy chứng nhận số vào sổ CH 00947; (số phát hành BP510409) thửa đất số 143 (2), tờ bản đồ số 15 diện tích 345m^2 do UBND huyện L cấp ngày 13/3/2014. Qua kiểm tra thì giấy chứng nhận QSDĐ thể hiện chiều dài theo mặt đường Quốc lộ 2C là 18m^2.

Đối với hộ Ông Nguyễn Quang S: Ngày 14/6/2012 được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 00063 (số phát hành BK 049544) số thửa 143.4, tờ bản đồ số 15, diện tích 300m^2 tại Thôn H, xã B, huyện L.

Quan điểm của UBND huyện L Trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định, đề nghị Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ để giải quyết.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Ông Nguyễn Quang S phải tháo dỡ tài sản trên đất trả cho nguyên đơn 45m^2 đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ Ông Nguyễn Quang S.

Người bảo vệ quyền lợi của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn trả đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ Lê Thị H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc N, Lê Thị H và không chấp nhận yêu cầu phản tố của Ông Nguyễn Quang S.

Kiến nghị UBND huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc chỉnh sửa Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất của hộ Lê Thị H và hộ Ông Nguyễn Quang S cho phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa cùng ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Ủy ban nhân dân huyện L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho người đại diện của mình có mặt tại tòa. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung: Xét đơn khởi kiện của ông Nguyễn Khắc N nhận thấy: Ông Nguyền Khắc Nhường và Ông Nguyễn Quang S có mối quan hệ là hàng xóm. Nguồn gốc đất của hai hộ đều do hai hộ nhận chuyển nhượng của Nguyễn Thị H3 và ông Bùi Văn T2 ờ thôn H, xã B. Ông N nhận chuyển nhượng ngày 29/5/1989, ông S nhận chuyển nhượng ngày 15/12/1995.

Quá trình sử dụng đất hai bên phát sinh tranh chấp do ông N cho rằng hộ ông S lấn chiếm đất của gia đình. Cụ thể diện tích phần mặt đường của gia đình ông khi cấp GCNQSDĐ mang tên bà H là 18m nay đo đạc lại chỉ có 16,66m nên hộ ông S đã lấn của gia đình ông diện tích đất chiều rộng là 1,34m; chiều dài từ mép đường quốc lộ về sau là 32m, tổng diện tích là 45m^2. Ngoài ra diện tích đất chiều mặt đường của gia đình ông S chỉ là 9,88m nhưng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông S ghi 12m là không đúng. Vì vậy ông đề nghị buộc ông S trả cho gia đình ông diện tích đất trên và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông S. Mốc giới đất của hai hộ được xác định từ tường chuồng phân cũ của gia đình ông.

Tuy nhiên quá trình thu thập chứng cứ xác định: Theo giấy tờ mua bán đất với hộ ông T2 đất mặt đường hộ ông N là 15,5m; Theo bản đồ 299 diện tích đất chiều mặt đường của hộ ông N là 16,95m; Biên bản thỏa thuận mốc giới 1997 là 16,40m; Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1999 đất hộ ông N là 18m; xem xét tại chỗ hiện nay theo mốc giới ông N xác định là 16,11m.

Như vậy diện tích phần mặt đường của hộ ông N giữa các tài liệu có sự

sai số, mâu thuẫn. Nay ông N chỉ căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khởi kiện yêu cầu ông S trả đất. Tuy nhiên đánh giá chứng cứ thấy rằng đất của ông N khi mua bán bân đầu mặt đường chỉ là 15,5m, ông T2 là người bán đất cũng xác nhận số liệu này. Nay ông N cho rằng trong giấy mua bán đất ông và ông T2 xác nhận chiều dài 15,5m là mục đích giảm bớt diện tích đất giảm tiền thuế sử dụng đất là không có căn cứ.

Tòa án cũng đã lấy lời khai của ông Nguyễn Xuân K1, nguyên cán bộ địa chính xác định khi thẩm định hồ sơ do sơ suất lúc ông không đi kiểm tra thực tế nên quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sự nhầm lẫn về số cạnh của hộ ông N là 16.66m thành 18m theo chiều bám đường QL2C nên ông đã ký vào hồ sơ cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ Lê Thị H và ông Nguyễn Khắc N. Đề nghị điều chỉnh lại GCNQSDĐ mang tên bà H vợ ông N.

Lời khai ông Nguyễn Đức Q, nguyên cán bộ địa chính xác định quá trình đo đạc đất của hộ ông N chỉ đo đạc bằng tay (thước dây) và không tiến hành lập biên bản kiểm tra hiện trạng thửa đất. Theo đó phần chiều rộng thửa đất của ông N phía giáp đường quốc lộ là hơn 16m. Tuy nhiên, trong quá trình ghi chép lại có sự sai sót về số liệu thành 18m, khi đó ông N không có ý kiến gì, cho đến khi hai hộ ông N và ông S xảy ra mâu thuẫn, ông N mới có đơn đề nghị gửi tới UBND xã đề nghị xã giải quyết.

Ông N cho rằng mốc giới đất của gia đình ông là đoạn tường chuồng lợn và chuồng phân của gia đình ông có trên đất ông S đang quản lý. Tuy nhiên ông S và những người làm chứng xác định đoạn tường trước đây chỉ là chuồng phân của gia đình ông N không phải là công trình phụ của gia đình ông N mà là chuồng phân xây ra mép đường để tiện sử dụng.

Ngoài ra, tại bút lục 184 có trong hồ sơ xác định khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S, bà H đại diện hộ liền kề cũng đã ký vào biên bản trích đo hiện trạng thửa đất.

Đối chiếu với các tài liệu chứng cứ có thể thấy theo yêu cầu của ông N nếu được chấp nhận thì đất của ông S chỉ còn lại 8,54m mặt đường trong khi theo bản đồ 299, Giấy tờ mua bán đất với ông T2 là 12m.

Với các chứng cứ như trên nhận thấy yêu cầu của ông N là không có căn cứ, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông N rõ ràng có sai sót

vì vậy cần xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của hộ ông N, kiến nghị UBND huyện L điều chỉnh lại hộ ông N theo quy định.

Đối với yêu cầu phản tố của ông S: ông S xác định theo số đo được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ 299 của gia đình ông có các chiều cạnh là phía tiếp giáp đường quốc lộ 2 là 12m (tức chiều mặt đường); chiều dài phần tiếp giáp nhà ông N là 25m; chiều tiếp giáp nhà ông T2 là 12m; chiều bên trong là 12m. Nay đo lại chiều mặt đường cỉ có 9,98m nên ông S không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông N, có yêu cầu phản tồ đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 143.2 đứng tên hộ Lê Thị H tại Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, xác định cho gia đình ông đủ diện tích mặt đường là 12m.

Xét yêu cầu của ông S thấy rằng mặc dù đất của gia đình ông S cạnh mặt đường được ghi nhận trên bản đồ 299 là 12m nhưng thực tế ông vẫn sử dụng như hiện trạng đất từ trước đến nay. Nguyên nhân của việc tranh chấp là do trước đây việc đo đạc đều không chính xác, quá trình hai hộ ở trên đất đã làm nhà ổn định nên không thể có việc ai lấn chiếm đất của ai vì diện tích mặt đường hai bên đều thiếu đất so với bản đồ 299.

Như vậy, khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông N và ông S đều đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của Luật đất đai nhưng có việc sai sót khi đo đạc để xác định độ dài các chiều cạnh. Vì vậy, hộ ông N và hộ ông S có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử kiến nghị xem xét trách nhiệm của cán bộ cấp xã, cấp huyện khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông N và hộ ông S.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Khắc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của ông N không được chấp nhận, ông Trần Quang Sơn phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Tuy nhiên ông N và ông S đều là người cao tuổi nên theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông N, ông S được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Khắc N phải chịu toàn bộ là 5.887.600

đồng, xác nhận ông N đã nộp và chi phí theo quy định.

[4] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 163; 164; 166; 175 Bộ luật dân sự 2015; Điều 34; khoản 1 Điều 153; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc N về việc buộc Ông Nguyễn Quang S trả diện tích đất 45 m^2 và hủy quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 049544 diện tích 300m^2 tại Thôn H, xã B, huyện L do UBND huyện L cấp ngày 14/6/2012 mang tên hộ Ông Nguyễn Quang S tại Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Ông Nguyễn Quang S về việc yêu cầu ông Nguyễn Khắc N trả đất và hủy hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP510409 đối với thửa đất số 143.2, diện tích 345m^2 do UBND mang tên hộ Lê Thị H tại Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét chỉnh sửa hoặc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 510409 cấp ngày 13/3/2014 đứng tên hộ Lê Thị H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 049544 cấp ngày 14/6/2012 đứng tên Ông Nguyễn Quang S.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Khắc N và Ông Nguyễn Quang S được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Khắc N phải chịu chi phí uỷ thác tư pháp là 887.600 đồng; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.000.000 đồng. Xác nhận ông N đã nộp đủ và chi phí theo quy định.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thúy Mai